TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2019/DS-ST
Ngày 06 – 8 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Liêm.
2. Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dư Đình V, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Đường C, phường N, thành phố X, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Duy T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường P, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Dư Đình V trình bày: Từ ngày 01/5/2011 đến năm 2015 ông Trần Văn L là hộ kinh doanh cá thể có bán thức ăn thủy sản cho ông Trần Duy T nhiều lần, việc mua bán thỏa thuận bằng miệng, sau khi thu hoạch tôm khoảng 03 tháng có trách nhiệm trả tiền thức ăn, quá trình mua bán bị đơn không trả tiền mà tiếp tục mua hàng hóa, khi giao nhận hàng giữa đôi bên không ký nhận. Đến năm 2015 ông L không còn bán thức ăn thủy sản cho ông T, nên giữa đôi bên có kết toán thì ông T còn nợ tổng số tiền 114.500.000đ (có biên nhận, không ghi ngày tháng năm) và đến nay chưa trả khoản tiền nào. Nay ông L yêu cầu ông T có trách nhiệm hoàn trả tổng số tiền còn nợ là 114.500.000đ (Một trăm mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Quyết định phân công thẩm phán giải quyết vụ án, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2), sau đó Tòa án tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự cho ông Trần Duy T biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng ông T vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc ông Trần Văn L khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Trần Duy T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Duy T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Trần Duy T có trách nhiệm hoàn trả tổng số tiền còn nợ là 114.500.000đ. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bổ sung yêu cầu khởi kiện, ông V yêu cầu ông T và vợ ông T (không rõ họ, tên, địa chỉ) cùng có trách nhiệm hoàn trả cho ông L số tiền 114.500.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại hồ sơ thể hiện giữa ông Trần Văn L và ông Trần Duy T có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản từ ngày 01/5/2011 đến năm 2015, việc thỏa thuận mua bán không lập văn bản, chỉ thỏa thuận miệng, ông L là người bán, ông T là người mua, hàng hóa là thức ăn thủy sản, khi giao hàng hóa không ký nhận, đôi bên thỏa thuận khi thu hoạch tôm khoảng 03 tháng thì ông T có trách nhiệm thanh toán nợ, quá trình mua bán thì ông T không trả nợ mà tiếp tục mua hàng, đến năm 2015 thì ông L không còn mua bán và đến cuối năm 2016 thì đôi bên có kết toán thì ông T thừa nhận còn nợ tổng số tiền 114.500.000đ và viết biên nhận, không ghi ngày tháng năm, kèm theo bảng chi tiết nợ. Khi Toà án thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để ông T biết và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do cũng không có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc ông L khởi kiện điều này thể hiện ông T đương nhiên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn trả số tiền còn nợ là 114.500.000đ.

[4] Đối với việc đại diện nguyên đơn có thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể yêu cầu ông T và vợ ông T (không rõ họ, tên, địa chỉ) cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Xét thấy, đối chiếu quy định pháp luật yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là vượt phạm vi ủy quyền, vượt quá yêu cầu khởi kiện, bởi người khởi kiện là ông Trần Văn L nhưng ông L không có đơn khởi kiện (ngoài đơn khởi kiện ban đầu) mà do ông Dư Đình V là người được ông

L ủy quyền để đại diện tham gia tố tụng có yêu cầu bổ sung tại tòa, không thể hiện văn bản hay giấy tờ nào khác và xác định khởi kiện bổ sung là vượt quá yêu cầu khởi kiện quy định tại Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự. Người được ủy quyền tham gia tố tụng lại khởi kiện bổ sung vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; Điều 188; Điều 207; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Duy T thanh toán cho ông Trần Văn L số tiền 114.500.000đ (Một trăm mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Trần Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Duy T không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Trần Văn L không phải chịu án phí, ngày 31/5/2019 ông đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.862.500đ được nhận lại toàn bộ khi án có hiệu lực.

+ Ông Trần Duy T phải chịu 5.725.000đ (Chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu